

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ PRÔNG  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DSST  
Ngày 25/6/2019  
Về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Trung Thực.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Hồng Việt.
2. Bà Bé Thị Hoi

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Đức Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** ông Lê Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ChPr, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 172/2 đường T, tổ 4, phường B, thành phố K, tỉnh G. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đinh Thị Yên H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 13 N, phường T, thành phố K, tỉnh G.

Bị đơn: Nguyễn Thị T.

Trú tại: Thôn 2, xã Thăng Hưng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đinh Thị Yên H có mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Đinh Thị Yên H trình bày:*

Giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và bà Nguyễn Thị T là chỗ quen biết, ngày 08/11/2018 bà Nguyễn Thị T có vay của chị T số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), Bà T viết vào giấy mượn tiền và hứa trả tiền cho chị T trong vòng 30 ngày tức là đến ngày 08/12/2018 sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho chị T với mức lãi suất do hai bên tự thỏa thuận.

Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn như đã cam kết nhưng bà T vẫn không trả tiền cho chị T, mặc dù chị T đã đi đòi nhiều lần, nay đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho chị T số nợ gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) cùng với lãi suất tính từ ngày 08/12/2018 đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà có lời khai trình bày tại bản tự khai như sau:

Bà có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) là đúng; lãi suất hai bên thỏa thuận là 7.000.000 đồng trên một tháng của số tiền vay, tuy nhiên hiện tại do điều kiện khó khăn nên hiện nay không có tiền trả cho bà T. Nay bà T kiện bà đề nghị trả 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) tiền gốc cùng với lãi suất. Bà cũng thống nhất trả số nợ gốc, nhưng do điều kiện khó khăn nên xin trả mỗi năm là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho đến khi hết nợ, về lãi thì bà xin bà T không tính vì hiện tại bà rất khó khăn.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CPr, tỉnh G phát biểu ý kiến cho rằng:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Nguyên đơn chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành không đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền gốc là 300.000.000 đồng. Riêng phần lãi suất mặc dù hai bên có thỏa thuận nhưng không thống nhất về mức lãi suất nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử là 16.583.333 đồng là phù hợp.

Về án phí: áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T, địa chỉ tại thôn 2, xã Thăng Hưng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai trả số tiền gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) cùng với lãi suất tính từ ngày 08/12/2018 đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị T đăng ký hộ khẩu tại thôn 2, xã T, huyện CPr, tỉnh G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện CPr quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về số nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) cùng với lãi suất tính từ ngày 08/12/2018 đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là: Tài liệu đề giấy mượn tiền có chữ ký của bà Nguyễn Thị T thể hiện việc bà T có mượn số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) đồng của chị Nguyễn Thị Thùy T.

Lời khai của bà Nguyễn Thị T cũng xác nhận có vay của chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) do điều kiện hiện nay khó khăn nên bà T xin trả dần mỗi năm là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền nợ gốc bà Nguyễn Thị T vay của chị Nguyễn Thị Thùy T **300.000.000** đồng là có căn cứ.

[2] Về số nợ lãi: Nguyên đơn đề nghị tính lãi suất tính từ ngày 08/12/2018 đến ngày đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tại giấy mượn tiền đề ngày 08/11/2018 hai bên có thỏa thuận về lãi nhưng không có ghi cụ thể số lãi là bao nhiêu; mặc dù hai bên có thỏa thuận nhưng không thống nhất về mức lãi suất. Bà T trình bày do điều kiện khó khăn nên bà xin chị T về khoản tiền lãi. Tuy nhiên đề nghị này của bà T không được nguyên đơn chấp nhận. Vì vậy nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ (08/12/2018) đến ngày xét xử (25/6/2019) là **16.583.333** đồng là phù hợp.

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 316.583.333 đồng x 5% = **15.829.166** đồng (*mười lăm triệu tám trăm hai mươi chín nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng*).

Hoàn trả toàn bộ số tiền nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí trước đây.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của bộ luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền nợ gốc là **300.000.000đ** (ba trăm triệu đồng) cùng với lãi suất tính từ ngày 08/12/2018 đến ngày xét xử với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm, thành tiền là **16.583.333** đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là **316.583.333** đồng (Ba trăm mười sáu triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu **15.829.166** đồng (*mười lăm triệu tám trăm hai mươi chín nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng*). Bà Nguyễn Thị T chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Thùy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị T số tiền đã nộp tạm ứng trước đây là 7.710.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000148 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Ngô Trung Thực**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**